TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D7080A

Danh Sá ch Tố t Nghiệ p

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Chương trì nh đà o tạ o ngà nh Kinh tế (DH09KT)

Kèm Theo Quyết Định Ký ngày

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 136

Điểm Trung Bình Tích Lũy 2.00

Lớ p DH09KT

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	DT	ĐTS	ĐT	Số hiệu bằng PT	VB	TCTG	TBTL	Xếp loại	HB
1	09120034	THÁI MINH	CHÂU	DH09KT	Nữ	21/05/91	Quãng Nam	01	1500				138.0	2.79	Khá	
2	09120003	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	DH09KT	Nữ	06/08/91	Hà Tĩnh	01	1300	06			138.0	3.38	Giỏi	
3	09120037	NGUYỄN TRỌNG	ĐỨC	DH09KT		06/01/91	Bình Định	01	1500				137.0	2.83	Khá	
4	09120042	TRẦN THỊ HỒNG	KIM	DH09KT	Nữ	28/02/91	BRVT	01	1400				138.0	2.82	Khá	
5	09120012	NGUYỄN TRÚC	LINH	DH09KT	Nữ	10/07/91	Gia Lai	01	1300				139.0	2.62	Khá	
6	09120017	TRẦN THỊ HỌA	MY	DH09KT	Nữ	03/02/91		01	1300				137.0	2.87	Khá	
7	09120018	VÕ THỊ XUÂN DIỆU	MY	DH09KT	Nữ	20/12/91	Đồng Nai	01	1300				139.0	2.84	Khá	
8	09121006	LÊ THỊ HẰNG	NGA	DH09KT	Nữ	30/07/91	Sông Bé	01	1300				138.0	3.18	Khá	
9	09120048	NGUYỄN THỊ	NGA	DH09KT	Nữ	11/09/91	Thanh Hóa	01	1400				138.0	3.15	Khá	
10	09121007	ĐÀO THỊ	NGHĨA	DH09KT	Nữ	12/05/91	Yên Bái	01	1250	01			139.0	3.32	Giỏi	
11	09155007	ĐẶNG HỒNG	NGỌC	DH09KT	Nữ	01/04/91	Bình Dương	01	1750				138.0	3.11	Khá	
12	09120053	HOÀNG NGUYỄN	PHÚC	DH09KT		12/07/91	Đồng Nai	01	1650				138.0	2.44	Trung bình	
13	09120024	DƯƠNG NGỌC	THÂN	DH09KT	Nữ	02/06/91	Kiên Giang	01	1250				138.0	3.30	Giỏi	
14	09120062	NGUYỄN THỊ TRÂM	THƯƠNG	DH09KT	Nữ	11/02/91	Quãng Nam	01	1450				138.0	3.37	Giỏi	
15	09120026	LÊ THỊ HUỆ	TRANG	DH09KT	Nữ	01/05/91	Gia Lai	01	1300	06			139.0	2.86	Khá	
16	09120027	VÕ THỊ THU	TRANG	DH09KT	Nữ	25/08/86	Bến tre	01	1300				137.0	2.68	Khá	
17	09120065	TRẦN NGỌC THÙY	TRÂM	DH09KT	Nữ	22/04/91	Tp.HCM	01	1500				139.0	2.75	Khá	
18	09120067	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH09KT		27/02/91	Sông bé	01	1800				138.0	2.88	Khá	

In Ngày 12/09/13

TP.HCM, Ngày 12 tháng 09 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D7080B1

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Họ c Kỳ 1 - Nă m Họ c 13-14

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế (DH09KT)

Số Tí n Chỉ Tí ch Lũ y Chung 136
Điể m Trung Bì nh Tí ch Lũ y 2.00

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	09120001	NGUYỄN XUÂN BÍNH	DH09KT	129.0	2.52	213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
2	09120070	PHẠM NHẤT DUY	DH09KT	131.0	2.41	202115	Toá n cao cấ p C2	3		102	2.4
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
3	09121001	VÕ HÀN DUY	DH09KT	78.0	1.95	200104	Đườ ng lố i CM củ a Đả ng CSVN	3			
						208104	Kinh tế nô ng lâ m đạ i cương	2			
						208114	Luậ t kinh tế	2			
						208115	Kinh tế quố c tế	3			
						208120	Kinh tế vĩ mô 2	2			
						208132	Kiế n tậ p thố ng kê đị nh lượ ng	2			
						208211	Kinh tế lượ ng că n bả n	3		101	2.5
						208223	Kinh tế lượ ng ứ ng dụ ng	2			
						208231	Nguyê n lý thố ng kê kinh tế	3		111	3.0
						208336	Nguyê n lý kế toá n	3		111	2.0
						208414	Quả n trị trang trạ i	2			
						208421	Dự á n đầ u tư	3		121	V
						208445	Marketing nô ng nghiệ p	2		121	V
						208508	Phâ n tí ch chí nh sá ch NN	3		121	V
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		5		
4	09120040	PHẠM THIÊN HẠ	DH09KT	129.0	2.79	213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
5	09121020	TRIỆU THÚY HỮU	DH09KT	134.0	2.34	213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
6	09120009	TRẦN VĂN KIỂM	DH09KT	126.0	2.56	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	2.0
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
7	09120044	VƯƠNG HẢI LINH	DH09KT	133.0	2.93	208114	Luậ t kinh tế	2		102	3.0
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
8	09120014	TRẦN QUANG LONG	DH09KT	136.0	2.21	208336	Nguyê n lý kế toá n	3		111	2.0
9	09120046	HUỲNH NGỌC CÔNG MINH	DH09KT	133.0	2.77	213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
10	09120016	NGUYỄN THANH MINH	DH09KT	136.0	2.54		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
11	09120071	NÔNG VĂN THÁI	DH09KT	133.0	2.07	202502	Giá o dụ c thể chấ t 2*	1		092	
						208219	Cơ sở toá n kinh tế	2		102	3.8
						208336	Nguyê n lý kế toá n	3		111	2.0

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợ p Nhó m MH bắ t buộ c tự chọ n chưa tí ch lũ y đượ c

Nhóm TC 1: 4 TC (Min)

202621 Xã hội học đại cương 2
205101 Bảo vệ môi trường 2
209509 Phong thủy ứng dụng 3

Nhóm TC 2: 6 TC (Min)

203608	Nông học đại cương	2
203703	Chăn nuôi đại cương	2
205108	Lâm nghiệp đại cương	2
205503	Chế biến lâm sản	2
206109	Thuỷ sản đại cương	2

Nhóm TC 3: 13 TC (Min)

205221	Kinh tế tài nguyên môi trường	3
208116	Kinh tế phát triển	3
208126	Kinh tế sản xuất nông nghiệp	3
208128	Kinh tế nguồn nhân lực	3
208130	Kinh tế công cộng	3
208142	Kinh tế lâm nghiệp	2
208470	Quản trị kinh doanh NN	3

Nhóm TC 4: 6 TC (Min)

208111	Tiếng anh chuyên ngành	3
208222	Phân tích định lượng trong QL	3
208431	Quản trị Marketing	3
208472	Quản trị chuỗi cung ứng	3

Nhóm TC 5: 10 TC (Min)

208144	Tiểu luận tốt nghiệp	4
208145	Phân tích rủi ro trong NN	3
208146	Nghiên cứu Marketing ứng dụng	3
208147	Kinh tế thị trường nông sản	2
208148	KT sản xuất nông nghiệp UD	2
208902	Khóa luận tốt nghiệp	10

In Ngà y 12/09/13

TP.HCM, Ngà y 12 thá ng 09 nă m 2013
Ngườ i lậ p biể u